

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán  
cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/05/2017  
và kết thúc vào ngày 31/12/2017



**MỤC LỤC**

	Trang
<b>1. Báo cáo của Ban Giám đốc</b>	2 - 4
<b>2. Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	5 - 6
<b>3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</b>	
- Bảng cân đối kế toán	7 - 8
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
- Bản Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 39

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/05/2017 và kết thúc vào ngày 31/12/2017

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Ninh (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/05/2017 và kết thúc vào ngày 31/12/2017 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

**1. Thông tin chung**

Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Ninh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Bắc Ninh theo quyết định số 500/QĐ-UBND ngày 03/12/2015 do UBND tỉnh Bắc Ninh ban hành. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2300108311 thay đổi lần thứ 3 ngày 03/05/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bắc Ninh cấp.

Ngày 18/07/2017, Công ty nhận được công văn số 5203/UBCK-GSĐC của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 2300108311 thay đổi lần thứ 3 ngày 03/05/2017, vốn điều lệ của Công ty là 375.493.910.000 đồng tương ứng với 37.549.391 cổ phần, cụ thể như sau:

Tên cổ đông	Số vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Vốn góp của Nhà nước	184.202.790.000	49,06
Vốn góp cổ đông	191.291.120.000	50,94
<b>Tổng cộng</b>	<b>375.493.910.000</b>	<b>100</b>

Tuy nhiên, đến thời điểm lập báo cáo tài chính này thì chi phí cổ phần hóa và quyết toán vốn Nhà nước chưa được phê duyệt. Theo đó, Công ty chưa hoàn tất thủ tục bàn giao từ Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Ninh (công ty cổ phần hóa) và số vốn góp thực tế đang thấp hơn trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2300108311 ngày 03/05/2017.

**2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc**

Các thành viên của Hội đồng quản trị của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

Họ và tên:	Chức vụ:	
- Ông Nguyễn Tiến Long	Chủ tịch	(i)
- Ông Vũ Hữu Tân	Phó Chủ tịch	(i)
- Ông Trần Đại Hải	Thành viên	(i)
- Bà Vũ Thị Chuyên	Thành viên	(i)
- Ông Ngô Minh Châu	Thành viên	(i)

Các thành viên của Ban kiểm soát trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

Họ và tên:	Chức vụ:	
- Bà Trần Thị Hương	Trưởng ban	(i)
- Ông Nguyễn Bá An	Ủy viên	(i)
- Bà Nguyễn Thị Mai Lan	Ủy viên	(i)

(i) Theo Nghị quyết lần thứ nhất ngày 18/04/2017 của Đại hội đồng cổ đông.



**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/05/2017 và kết thúc vào ngày 31/12/2017

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>	
- Ông Vũ Hữu Tân	Tổng Giám đốc	(ii)
- Ông Trần Đại Hải	Phó Tổng Giám đốc	(ii)
- Ông Lưu Xuân Tâm	Phó Tổng Giám đốc	(ii)

(ii) Theo Nghị quyết số 01/2017/NQ/HĐQT-BNW ngày 18/04/2017 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Ninh.

**3. Trụ sở**

Công ty có trụ sở chính tại: Số 57 Ngô Gia Tự, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh.

**4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh**

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31/12/2017 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/05/2017 và kết thúc vào ngày 31/12/2017 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán đính kèm.

**5. Các sự kiện quan trọng phát sinh trong niên độ**

Ngày 18/07/2017, Công ty được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng theo công văn số 5203/UBCK-GSDC.

**6. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ**

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

**7. Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/05/2017 và kết thúc vào ngày 31/12/2017 của Công ty.

**8. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31/12/2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/05/2017 và kết thúc vào ngày 31/12/2017 của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;



**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/05/2017 và kết thúc vào ngày 31/12/2017

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/05/2017 và kết thúc vào ngày 31/12/2017 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

**9. Ý kiến của Ban Giám đốc**

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31/12/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/05/2017 và kết thúc vào ngày 31/12/2017 được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Bắc Ninh, ngày 28 tháng 03 năm 2018

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



Vũ Hữu Tân



Số: 15/2017/BCKT-PKF.NHN

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2018

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:** Các cổ đông  
Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Ninh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/05/2017 và kết thúc vào ngày 31/12/2017 của Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Ninh được lập ngày 28/03/2018 bao gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/05/2017 và kết thúc vào ngày 31/12/2017 được trình bày từ trang 07 đến trang 39 kèm theo.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Ninh chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán và các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/05/2017 và kết thúc vào ngày 31/12/2017 của Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Ninh, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin được lưu ý đến người đọc Báo cáo tài chính nội dung sau đây:

Như đã nêu tại mục 4.12 – Thuyết minh Báo cáo tài chính, Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính đầu tiên của Công ty Cổ phần nước sạch Bắc Ninh (được cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một thành viên cấp thoát nước Bắc Ninh) nhưng chi phí cổ phần hóa và quyết toán vốn Nhà nước của Công ty chưa được phê duyệt. Theo đó, Công ty Cổ phần nước sạch Bắc Ninh chưa hoàn tất thủ tục bàn giao từ doanh nghiệp sang Công ty cổ phần.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Ninh cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/11/2015 và kết thúc vào ngày 30/04/2017 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 19/06/2017.

Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



**TS. Trần Văn Dũng**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0283-2018-242-1

**Chu Quang Tùng**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 1022-2018-242-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/05/2017 (Trình bày lại)
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>249.193.838.043</b>	<b>244.962.198.162</b>
<b>Tiền và tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>12.996.631.989</b>	<b>27.027.048.463</b>
Tiền	111		2.937.517.551	4.289.684.063
Các khoản tương đương tiền	112		10.059.114.438	22.737.364.400
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>155.000.000.000</b>	<b>180.075.520.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	155.000.000.000	180.075.520.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>63.855.855.657</b>	<b>22.400.653.443</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	16.753.836.318	16.926.824.052
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	43.218.300.000	460.000.000
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	5.5	2.203.080.160	2.203.080.160
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	1.680.639.179	2.810.749.231
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.7</b>	<b>13.089.882.572</b>	<b>12.365.022.636</b>
Hàng tồn kho	141		13.089.882.572	12.365.022.636
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.251.467.825</b>	<b>3.093.953.620</b>
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.14	4.251.467.825	3.093.953.620
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>328.037.315.517</b>	<b>295.605.493.569</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>856.324.843</b>	<b>856.324.843</b>
Phải thu dài hạn khác	216	5.6	856.324.843	856.324.843
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>268.191.539.709</b>	<b>218.006.568.199</b>
TSCĐ hữu hình	221	5.8	264.176.566.840	213.717.508.887
- Nguyên giá	222		461.659.616.809	400.117.454.707
- Giá trị khấu hao lũy kế	223		(197.483.049.969)	(186.399.945.820)
TSCĐ vô hình	227	5.9	4.014.972.869	4.289.059.312
- Nguyên giá	228		5.687.415.300	5.687.415.300
- Giá trị khấu hao lũy kế	229		(1.672.442.431)	(1.398.355.988)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>5.10</b>	<b>56.160.629.043</b>	<b>72.344.513.977</b>
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		13.201.306.726	14.001.961.130
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		42.959.322.317	58.342.552.847
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>1.650.000.000</b>	<b>3.300.000.000</b>
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.11	1.650.000.000	3.300.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.178.821.922</b>	<b>1.098.086.550</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.12	1.178.821.922	1.098.086.550
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>577.231.153.560</b>	<b>540.567.691.731</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH**

Địa chỉ: Số 57 Ngõ Gia Tự, Thành Phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/05/2017 (Trình bày lại)
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>194.163.520.818</b>	<b>164.223.989.265</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>61.673.084.371</b>	<b>54.359.605.631</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	14.672.442.026	24.717.297.319
Người mua trả tiền trước	312		275.962.289	564.027.732
Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	6.029.984.619	5.398.919.751
Phải trả người lao động	314		5.541.917.629	3.331.517.118
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		738.534.911	407.261.331
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	5.15	582.887.354	641.778.366
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	5.192.643.060	13.563.474.014
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	28.638.712.483	5.735.330.000
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>132.490.436.447</b>	<b>109.864.383.634</b>
Phải trả người bán dài hạn	331	5.13	730.766.825	6.985.716.284
Phải trả dài hạn khác	337		82.171.277.991	47.433.410.079
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		49.588.391.631	55.445.257.271
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>383.067.632.742</b>	<b>376.343.702.466</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.18	<b>383.067.632.742</b>	<b>376.343.702.466</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		375.069.419.928	375.069.419.928
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		375.069.419.928	375.069.419.928
Quỹ đầu tư phát triển	418		1.346.528.835	1.274.282.538
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		856.324.843	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.795.359.136	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.795.359.136	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>577.231.153.560</b>	<b>540.567.691.731</b>

Bắc Ninh, ngày 28 tháng 03 năm 2018



NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

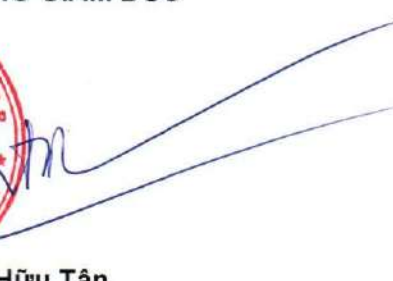
TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thu Dung

Nguyễn Đình Tôn



Vũ Hữu Tân



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/05/2017 và kết thúc vào ngày 31/12/2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/05/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2017 đến 30/04/2017 (Trình bày lại)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	81.039.545.857	30.266.228.951
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần từ bán hàng hoá và cung cấp DV	10	6.1	81.039.545.857	30.266.228.951
Giá vốn hàng bán và dịch vụ	11	6.2	64.390.331.994	21.740.080.865
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		16.649.213.863	8.526.148.086
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.209.705.298	562.648.788
Chi phí tài chính	22	6.4	1.467.730.225	1.141.787.001
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.467.730.225	407.261.331
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.5	8.754.110.853	1.696.500.215
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.637.078.083	6.250.509.658
Thu nhập khác	31	6.6	39.408.477	-
Chi phí khác	32	6.7	4.009.118	277.920.995
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		35.399.359	(277.920.995)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		7.672.477.442	5.972.588.663
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	1.535.297.312	1.207.201.932
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		6.137.180.130	4.765.386.731
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	163	-

Bắc Ninh, ngày 28 tháng 03 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thu Dung

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Đình Tôn

TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Hữu Tân



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH**

Địa chỉ: Số 57 Ngô Gia Tự, Thành Phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)**

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/05/2017 và kết thúc vào ngày 31/12/2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/05/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2017 đến 30/04/2017 (Trình bày lại)
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>7.672.477.442</b>	<b>5.972.588.663</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	11.357.190.592	4.235.387.568
Các khoản dự phòng	03	-	(395.244.197)
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.209.705.298)	(562.648.788)
Chi phí lãi vay	06	1.467.730.225	407.261.331
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>19.287.692.961</b>	<b>9.657.344.577</b>
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(3.512.716.419)	2.637.927.641
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(724.859.936)	3.628.802.984
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11	(21.938.698.112)	(10.429.668.260)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(80.735.372)	(642.639.778)
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.373.885.315)	(128.000.000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.177.426.609)	(164.836.325)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	15.434.262.324
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(25.000.000)	(1.171.952.445)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(9.545.628.802)</b>	<b>18.821.240.718</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác	21	(49.466.529.813)	(15.225.774.040)
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(5.000.000.000)	(180.075.520.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán công cụ nợ của đơn vị khác	24	30.075.520.000	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	1.650.000.000	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.209.705.298	348.148.788
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(21.531.304.515)</b>	<b>(194.953.145.252)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ đi vay	33	54.016.737.687	15.002.401.831
Tiền trả nợ gốc vay	34	(36.970.220.844)	(577.700.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>17.046.516.843</b>	<b>14.424.701.831</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b>	<b>50</b>	<b>(14.030.416.474)</b>	<b>(161.707.202.703)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>27.027.048.463</b>	<b>188.734.251.166</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>12.996.631.989</b>	<b>27.027.048.463</b>

Bắc Ninh, ngày 28 tháng 03 năm 2018

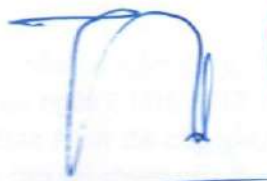
NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thu Dung



Nguyễn Đình Tôn



Vũ Hữu Tân



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/05/2017 và kết thúc vào ngày 31/12/2017

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Ninh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Bắc Ninh theo quyết định số 500/QĐ-UBND ngày 03/12/2015 do UBND tỉnh Bắc Ninh ban hành. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 2300108311 đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 03/05/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bắc Ninh cấp.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:**

Sản xuất và kinh doanh nước sạch; Xây dựng các công trình cấp thoát nước; Xây lắp hệ thống điện cao thế đến 35KV; Xây dựng nhà dân dụng và Công nghiệp; Xây dựng các công trình hạ tầng đô thị; Xây dựng kênh mương, trạm bơm, trạm giao thông nông thôn; Xây dựng đường nông thôn nội tỉnh; Kinh doanh vật tư thiết bị ngành cấp thoát nước; Kinh doanh bất động sản; Quản lý vận hành hệ thống thoát nước và xử lý nước thải đô thị và khu công nghiệp.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp:**

Công ty có trụ sở chính tại: Số 57 Ngô Gia Tự, Thành Phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh.

Đến ngày 31/12/2017, tổng số cán bộ nhân viên Công ty là 329 người, trong đó số cán bộ quản lý là 27 người.

**2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

**3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Ngày bàn giao và chính thức chuyển đổi từ Công ty TNHH sang Công ty cổ phần là ngày 01/05/2017. Tuy nhiên, do ngày 01/05/2017 và ngày 02/05/2017 là ngày nghỉ lễ nên Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bắc Ninh đã cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là ngày 03/05/2017. Do đó, Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính đầu tiên của Công ty sau khi chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần, được bắt đầu từ ngày 01/05/2017 và kết thúc vào ngày 31/12/2017.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/05/2017 và kết thúc vào ngày 31/12/2017

**4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG**

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/04/2017 của Công ty.

**4.1 Ước tính kế toán**

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/05/2017 và kết thúc vào ngày 31/12/2017 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Giám đốc Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**4.3 Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp khoản được chia từ lợi nhuận thuần lỹ kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- (i) Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 90 ngày kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- (ii) Có thời hạn thu hồi vốn từ dưới 1 (một) năm hoặc trong 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- (iii) Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 (một) năm hoặc trên 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn (các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

**Các khoản đầu tư tài chính dài hạn:**

- Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của bên đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

**4.4 Nợ phải thu**

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán từ dưới 01 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/05/2017 và kết thúc vào ngày 31/12/2017

**4.5 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- |  |   |
|--|---|
| - Giá trị nguyên vật liệu                  | Phương pháp bình quân gia quyền                       |
| - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang khác | Chi phí phát sinh thực tế cho từng giai đoạn sản xuất |

**4.6 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

**4.6.1 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên giá và giá trị còn lại của các TSCĐ của Công ty Cổ phần nước sạch Bắc Ninh nhận bàn giao từ Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Ninh (Công ty cổ phần hóa) tại ngày 01/05/2017 được ghi nhận theo giá trị bàn giao. Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Công ty như sau:

- |                                   |             |
|-----------------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc          | 10 - 30 năm |
| - Máy móc thiết bị                | 05 - 15 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 30 năm |
| - Thiết bị dụng cụ quản lý        | 05 - 08 năm |
| - Tài sản cố định hữu hình khác   | 07 - 25 năm |

Tài sản cố định hữu hình khác của Công ty là các công trình xử lý nước, đường giếng bơm, tuyến đường vào giếng.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/05/2017 và kết thúc vào ngày 31/12/2017

**4.6.2 Tài sản cố định vô hình**

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định:

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của Công ty như sau:

- |                        |        |
|------------------------|--------|
| - Tài sản vô hình khác | 14 năm |
| - Phần mềm máy tính    | 05 năm |

Tài sản vô hình khác của Công ty là Chi phí giải phóng đền bù của các Dự án nhà máy nước sạch.

**4.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng của Nhà nước, các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành và mua sắm máy móc, thiết bị hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền về quản lý đầu tư phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về các công trình xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc thiết bị này sẽ phụ thuộc vào phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

**4.8 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

**4.9 Nợ phải trả**

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán từ dưới 01 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/05/2017 và kết thúc vào ngày 31/12/2017

**4.10 Chi phí đi vay và vốn hóa các khoản đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong kỳ trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong kỳ trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang đó.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết và sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán ra đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính.

**4.11 Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính, bao gồm chi phí lãi vay. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**4.12 Vốn chủ sở hữu**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 2300108311 thay đổi lần thứ 3 ngày 03/05/2017, vốn điều lệ của Công ty là 375.493.910.000 VND được chia thành 37.549.391 cổ phần, đến ngày 31/12/2017 các cổ đông đã góp vốn cổ phần vào Công ty như sau:

Nhà đầu tư	Vốn điều lệ		
	Theo GCNKD (VND)	Vốn thực góp (VND)	%
Vốn góp của Nhà nước	184.202.790.000	183.778.299.928	99,77
Vốn góp cổ đông	191.291.120.000	191.291.120.000	100
<b>Tổng cộng</b>	<b>375.493.910.000</b>	<b>375.069.419.928</b>	<b>99,89</b>

Tuy nhiên, đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này thì chi phí cổ phần hóa và quyết toán vốn Nhà nước chưa được phê duyệt. Theo đó, Công ty chưa hoàn tất thủ tục bàn giao từ Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Ninh (công ty cổ phần hóa) và số vốn góp thực tế đang thấp hơn trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2300108311 ngày 03/05/2017.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế Thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận của Công ty. Lợi nhuận chưa phân phối được theo dõi chi tiết theo kết quả hoạt động kinh doanh của từng năm tài chính (năm trước, năm nay), đồng thời theo dõi chi tiết theo từng nội dung phân chia lợi nhuận (trích lập các quỹ, chia cổ tức cho các cổ đông).



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/05/2017 và kết thúc vào ngày 31/12/2017

**4.13 Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng;
- (ii) Doanh thu xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ, khi Công ty đảm bảo thu được lợi ích từ hợp đồng xây dựng và chi phí để hoàn thành phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được tính toán một cách tin cậy;
- (iii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận;
- (iv) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**4.14 Giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của thành phẩm, dịch vụ bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

**4.15 Chi phí tài chính**

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hoá theo quy định phát sinh trong năm tài chính. Trong đó chi phí lãi tiền vay là lãi vay phải trả trong kỳ của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

**4.16 Thuế**

***Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):***

Dịch vụ cung cấp nước sạch thuế GTGT là 5% đối với dịch vụ xây lắp và nước tinh khiết thuế GTGT là 10%.

***Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):***

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN hàng năm là 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong kỳ gồm thuế thu nhập hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/05/2017 và kết thúc vào ngày 31/12/2017

**Thuế tài nguyên:**

Chi phí thuế tài nguyên được xác định trên cơ sở sản lượng nước khai thác, giá tính thuế do UBND tỉnh Bắc Ninh quy định và thuế suất thuế tài nguyên nước.

**Các loại thuế khác:** theo quy định hiện hành của Việt Nam.

**4.18 Các bên liên quan**

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC "Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính" ban hành ngày 31/12/2007, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

**4.19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**4.20 Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/05/2017 và kết thúc vào ngày 31/12/2017

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích giúp người sử dụng Báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

**4.21 Điều chỉnh hồi tố**

Từ ngày 18/8/2017 đến ngày 25/8/2017 Cục thuế tỉnh Bắc Ninh đã tiến hành kiểm tra tại đơn vị. Thực hiện kiến nghị của Cục thuế tỉnh Bắc Ninh, Công ty đã tiến hành điều chỉnh hồi tố số liệu của Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 04 năm 2017 đã được kiểm toán, cụ thể:

Khoản mục	Mã số	Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/4/2017			
		Số đã báo cáo (VND)	Trình bày lại (VND)	Chênh lệch (VND)	Ghi chú
<b>Bảng cân đối kế toán</b>					
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	9.421.030.018	16.926.824.052	(7.505.794.034)	(1)
Phải thu ngắn hạn khác	136	2.596.249.231	2.810.749.231	(214.500.000)	(2)
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	3.448.249.292	3.093.953.620	354.295.672	(3)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.043.241.393	5.398.919.751	(1.355.678.358)	(4)
Phải trả ngắn hạn khác	319	8.827.436.548	13.563.474.014	(4.736.037.466)	(5)
Quỹ đầu tư phát triển	418	-	1.274.282.538	(1.274.282.538)	(6)
<b>Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh</b>					
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23.114.730.589	30.266.228.951	(7.151.498.362)	(7)
Giá vốn hàng bán	11	20.711.894.990	21.740.080.865	(1.028.185.875)	(8)
Doanh thu hoạt động tài chính	21	348.148.788	562.648.788	(214.500.000)	(9)
Chi phí tài chính	22	407.261.331	1.141.787.001	(734.525.670)	(10)
Chi phí khác	32	-	277.920.995	(277.920.995)	(11)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	129.444.568	1.207.201.932	(1.077.757.364)	(12)
<b>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</b>					
Lợi nhuận trước thuế	01	647.222.841	5.972.588.663	(5.325.365.822)	(12)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(348.148.788)	(562.648.788)	214.500.000	(12)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	10.003.926.003	2.637.927.641	7.365.998.362	(12)
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(12.684.800.800)	(10.429.668.260)	(2.255.132.540)	(12)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/05/2017 và kết thúc vào ngày 31/12/2017

Chi tiết các bút toán điều chỉnh hồi tố như sau:

- (1) Phải thu ngắn hạn khách hàng tăng: 7.505.794.034 đồng do tăng doanh thu và thuế GTGT bán nước sạch chưa hạch toán đúng thời điểm.
- (2) Phải thu ngắn hạn khác tăng: 214.500.000 đồng do ghi nhận cổ tức của năm 2016 tại Công ty liên kết.
- (3) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước giảm: 354.295.672 đồng do thuế GTGT bán nước sạch phải nộp Nhà nước tăng vì ghi nhận doanh thu và thuế bán nước sạch chưa hạch toán đúng thời điểm.
- (4) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tăng: 1.355.678.358 đồng do xác định lại kết quả sản xuất kinh doanh và thu nhập chịu thuế trong kỳ làm tăng thuế TNDN phải nộp là: 1.077.757.363 đồng, các khoản tiền phạt vi phạm luật thuế: 277.920.995 đồng.
- (5) Phải trả ngắn hạn khác tăng: 4.736.037.466 đồng do lợi nhuận phân phối cho quỹ khen thưởng phúc lợi: 4.001.511.796 đồng, lãi phải trả cổ đông: 734.525.670 đồng.
- (6) Quỹ đầu tư phát triển tăng: 1.274.282.538 đồng do lợi nhuận phân phối cho quỹ đầu tư phát triển.
- (7) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 7.151.498.362 đồng do điều chỉnh doanh thu theo chỉ số đồng hồ tháng 4/2017 nhưng ghi nhận theo hóa đơn lập sang tháng 5/2017.
- (8) Giá vốn hàng bán tăng 1.028.185.875 đồng là do tăng một số khoản chi phí của tháng 4/2017 Công ty hạch toán sang tháng 5/2017.
- (9) Doanh thu hoạt động tài chính tăng 214.500.000 đồng do ghi nhận bổ sung doanh thu từ cổ tức năm 2016 tại Công ty liên kết.
- (10) Chi phí tài chính tăng 734.525.670 đồng do ghi nhận lãi phải trả cho cổ đông phát sinh từ tháng thứ tư kể từ ngày hết hạn mua cổ phần.
- (11) Chi phí khác tăng 277.920.995 đồng do các khoản phạt vi phạm hành chính về thuế.
- (12) Điều chỉnh do ảnh hưởng của các bút toán trên.



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH**

Địa chỉ: Số 57 Ngô Gia Tự, Thành Phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/05/2017 và kết thúc vào ngày 31/12/2017

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2017</b>	<b>01/05/2017</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
- Tiền mặt (i)	1.310.843.209	1.782.127.828
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (ii)	1.626.674.342	2.507.556.235
- Các khoản tương đương tiền (iii)	10.059.114.438	22.737.364.400
<b>Cộng</b>	<b><u>12.996.631.989</u></b>	<b><u>27.027.048.463</u></b>
(i) Số dư tiền mặt tại quỹ vào ngày 31/12/2017 bao gồm	<b>Nguyên tệ</b>	<b>VND</b>
Ngoại tệ		
Đồng Việt Nam		1.310.843.209
<b>Cộng</b>		<b><u>1.310.843.209</u></b>
(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2017 bao gồm:	<b>Nguyên tệ</b>	<b>VND</b>
Ngoại tệ		
<b>Đồng Việt Nam</b>		
Tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Ninh		845.626.051
Tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Kinh Bắc		780.128.701
Tại ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Từ Sơn		919.590
<b>Cộng</b>		<b><u>1.626.674.342</u></b>
(iii) Số dư các khoản tương đương tiền tại ngày 31/12/2017 bao gồm:	<b>Nguyên tệ</b>	<b>VND</b>
Ngoại tệ		
<b>Đồng Việt Nam</b>		
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bắc Ninh (*)		2.500.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Kinh Bắc (**)		7.559.114.438
<b>Cộng</b>		<b><u>10.059.114.438</u></b>

(\*) Bao gồm 3 hợp đồng tiền gửi với tổng số tiền 2.500.000.000 đồng với kỳ hạn 01 tháng lãi suất 4,3%/năm.

(\*\*) Bao gồm 3 hợp đồng tiền gửi với tổng số tiền 7.559.114.438 đồng với kỳ hạn 01 tháng lãi suất 4,3%/năm.



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH**

Địa chỉ: Số 57 Ngô Gia Tự, Thành Phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/05/2017 và kết thúc vào ngày 31/12/2017

**5.2. Các khoản đầu tư tài chính**

	31/12/2017		01/05/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ (VND)	Giá gốc	Giá trị ghi sổ (VND)
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>				
<b>a) Ngắn hạn</b>				
+ Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Từ Sơn (*)	155.000.000.000	155.000.000.000	180.075.520.000	180.075.520.000
+ Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Kinh Bắc (**)	150.000.000.000	150.000.000.000	150.000.000.000	150.000.000.000
<b>b) Dài hạn</b>				
(i) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn HĐTG01/CAP THOAT NUOC BN-BIDVTS ngày 10/04/2017 với số tiền 150.000.000.000 đồng kỳ hạn 12 tháng với lãi suất 6,5%/năm.	5.000.000.000	5.000.000.000	30.075.520.000	30.075.520.000
(ii) Số tiền gửi số 25610000142748 ngày 14/11/2017 với số tiền 5.000.000.000 đồng kỳ hạn 3 tháng với lãi suất 4,8%/năm.	-	-	-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH**

Địa chỉ: Số 57 Ngô Gia Tự, Thành Phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/05/2017 và kết thúc vào ngày 31/12/2017

**5.3. Phải thu khách hàng**

	31/12/2017 (VND)	01/05/2017 (VND) (Trình bày lại)
<b>a) Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>16.753.836.318</b>	<b>16.926.824.052</b>
Khách hàng mua nước khu vực Bắc Ninh	11.799.153.658	8.300.783.408
Gói thầu 3 Hệ thống điện, công viên cây xanh, đấu giá quyền sử dụng đất tạo vốn xã Nam Sơn - Vân Dương	318.611.000	4.864.653.000
Gói thầu 3 Hệ thống điện K15	1.185.188.000	1.185.188.000
Khách hàng khác	3.450.883.660	2.576.199.644
<b>b) Phải thu khách hàng dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>16.753.836.318</b>	<b>16.926.824.052</b>

**5.4. Trả trước cho người bán**

	31/12/2017 (VND)	01/05/2017 (VND)
<b>a) Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>43.218.300.000</b>	<b>460.000.000</b>
Công ty TNHH Cơ điện HAWACO	-	200.000.000
Tổng Cty đầu tư nước và môi trường Việt Nam	35.200.000.000	-
Công ty CP tư vấn Đầu tư và XD Bắc Ninh	-	260.000.000
Công ty CP XD lắp máy điện nước Hà Nội - Haweico	4.500.000.000	-
Trả trước cho người bán khác	3.518.300.000	-
<b>b) Trả trước cho người bán dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>43.218.300.000</b>	<b>460.000.000</b>

**5.5. Phải thu nội bộ**

	31/12/2017 (VND)	01/05/2017 (VND)
<b>a) Phải thu nội bộ ngắn hạn</b>	<b>2.203.080.160</b>	<b>2.203.080.160</b>
Ban quản lý dự án cấp nước Chờ-Gia Bình - Tiền giải phóng đền bù chưa được phê duyệt bổ sung khi quyết toán	1.895.795.360	1.895.795.360
Dự án thoát nước và xử lý nước thải	307.284.800	307.284.800
<b>b) Phải thu nội bộ dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>2.203.080.160</b>	<b>2.203.080.160</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/05/2017 và kết thúc vào ngày 31/12/2017

**5.6. Phải thu khác**

	31/12/2017 (VND)		01/05/2017 (VND) (Trình bày lại)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>1.680.639.179</b>		<b>2.810.749.231</b>	-
Tạm ứng cho nhân viên các đội	1.680.639.179	-	2.596.249.231	-
Phải thu tiền cổ tức tại Công ty liên kết	-	-	214.500.000	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>856.324.843</b>	-	<b>856.324.843</b>	-
Chênh lệch đánh giá lại các khoản đầu tư (i)	856.324.843	-	856.324.843	-
<b>Cộng</b>	<b>2.536.964.022</b>	<b>-</b>	<b>3.667.074.074</b>	<b>-</b>

(i) Chênh lệch do đánh giá lại khoản đầu tư vào công ty liên kết theo Nghị định 59/2011/NĐ-CP khi chuyển từ doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước sang Công ty Cổ phần.

**5.7. Hàng tồn kho**

	31/12/2017 (VND)		01/05/2017 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	10.469.931.211	-	7.647.620.572	-
Công cụ, dụng cụ	21.460.113	-	11.316.113	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.598.491.248	-	4.706.085.951	-
<b>Cộng</b>	<b>13.089.882.572</b>	<b>-</b>	<b>12.365.022.636</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH**

Địa chỉ: Số 57 Ngô Gia Tự, Thành Phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/05/2017 và kết thúc vào ngày 31/12/2017

**5.8. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc (VND)	Máy móc, thiết bị (VND)	Phương tiện vận tải, truyền dẫn (VND)	Thiết bị dụng cụ quản lý (VND)	TSCĐ hữu hình khác (VND)	Tổng cộng (VND)
Số dư tại ngày 01/05/2017	64.058.978.790	12.630.284.810	204.213.250.232	1.455.571.272	117.759.369.603	400.117.454.707
- Mua trong năm	-	370.000.000	-	-	-	370.000.000
- Đầu tư XDCB hoàn thành	1.962.181.190	2.505.524.455	56.704.456.457	-	-	61.172.162.102
<b>Số dư tại ngày 31/12/2017</b>	<b>66.021.159.980</b>	<b>15.505.809.265</b>	<b>260.917.706.689</b>	<b>1.455.571.272</b>	<b>117.759.369.603</b>	<b>461.659.616.809</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư tại ngày 01/05/2017	29.480.477.774	6.385.482.100	86.298.642.665	597.976.125	63.637.367.156	186.399.945.820
- Khấu hao trong năm	1.978.118.329	893.890.225	5.531.033.285	154.234.616	2.525.827.694	11.083.104.149
<b>Số dư tại ngày 31/12/2017</b>	<b>31.458.596.103</b>	<b>7.279.372.325</b>	<b>91.829.675.950</b>	<b>752.210.741</b>	<b>66.163.194.850</b>	<b>197.483.049.969</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
- Tại ngày 01/05/2017	<b>34.578.501.016</b>	<b>6.244.802.710</b>	<b>117.914.607.567</b>	<b>857.595.147</b>	<b>54.122.002.447</b>	<b>213.717.508.887</b>
- Tại ngày 31/12/2017	<b>34.562.563.877</b>	<b>8.226.436.940</b>	<b>169.088.030.739</b>	<b>703.360.531</b>	<b>51.596.174.753</b>	<b>264.176.566.840</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH**

Địa chỉ: Số 57 Ngô Gia Tự, Thành Phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/05/2017 và kết thúc vào ngày 31/12/2017

**5.9. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Phần mềm máy tính (VND)</b>	<b>Tài sản cố định vô hình khác (VND)</b>	<b>Tổng cộng (VND)</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư tại ngày 01/05/2017	<b>38.000.000</b>	<b>5.649.415.300</b>	<b>5.687.415.300</b>
Số dư tại ngày 31/12/2017	<b>38.000.000</b>	<b>5.649.415.300</b>	<b>5.687.415.300</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư tại ngày 01/05/2017	5.063.666	1.393.292.322	1.398.355.988
- Khấu hao trong năm	5.066.667	269.019.776	274.086.443
Số dư tại ngày 31/12/2017	<b>10.130.333</b>	<b>1.662.312.098</b>	<b>1.672.442.431</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Số dư tại ngày 01/05/2017	<b>32.936.334</b>	<b>4.256.122.978</b>	<b>4.289.059.312</b>
Số dư tại ngày 31/12/2017	<b>27.869.667</b>	<b>3.987.103.202</b>	<b>4.014.972.869</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH**  
Địa chỉ: Số 57 Ngõ Gia Tự, Thành Phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**  
Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/05/2017 và kết thúc vào ngày 31/12/2017

**5.10. Tài sản dở dang dài hạn**

	31/12/2017 (VND)		01/05/2017 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn</b>	<b>13.201.306.726</b>	<b>13.201.306.726</b>	<b>14.001.961.130</b>	<b>14.001.961.130</b>
Công trình Đình Bảng-Từ Sơn	1.061.142.288	1.061.142.288	1.679.147.806	1.679.147.806
Bệnh viện tỉnh Bắc Ninh	4.057.838.030	4.057.838.030	4.772.201.117	4.772.201.117
Bệnh viện y tế	5.431.996.164	5.431.996.164	7.384.363.707	7.384.363.707
Công trình khác	2.650.330.244	2.650.330.244	166.248.500	166.248.500
<b>b) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>42.959.322.317</b>	<b>42.959.322.317</b>	<b>58.342.552.847</b>	<b>58.342.552.847</b>
Công trình tuyến truyền tải D350 dọc theo QL38 Hạp Lĩnh	-	-	20.340.537.496	20.340.537.496
Công trình tuyến ống dịch vụ Nam Sơn	-	-	6.518.816.122	6.518.816.122
Mạng lưới cấp nước dịch vụ cho khu vực chưa có nước sạch 2015	-	-	7.589.164.018	7.589.164.018
Tuyến truyền tải D355 Gia Bình	-	-	6.345.556.153	6.345.556.153
Tuyến ống truyền tải D630	22.259.914.679	22.259.914.679	-	-
Tuyến ống nước thô Lương Tài	10.789.188.971	10.789.188.971	-	-
Tuyến ống đầu nối từ khu Trần Hạp Lĩnh nối tiếp vào ống D200 cấp nước Tân Chi	1.090.683.294	1.090.683.294	-	-
Tuyến ống nước thô Gia Bình	1.171.436.830	1.171.436.830	-	-
Các công trình khác	7.648.098.543	7.648.098.543	17.548.479.058	17.548.479.058
<b>Cộng</b>	<b>56.160.629.043</b>	<b>56.160.629.043</b>	<b>72.344.513.977</b>	<b>72.344.513.977</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH**

Địa chỉ: Số 57 Ngô Gia Tự, Thành Phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/05/2017 và kết thúc vào ngày 31/12/2017

**5.11. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

	31/12/2017 (VND)		01/05/2017 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Bắc Ninh	1.650.000.000	1.650.000.000	3.300.000.000	3.300.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.650.000.000</b>	<b>1.650.000.000</b>	<b>3.300.000.000</b>	<b>3.300.000.000</b>

**5.11.1. Thuyết minh bổ sung về công ty liên kết**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Bắc Ninh

Phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
20,63	20,63

**5.12. Chi phí trả trước**

	31/12/2017 (VND)	01/05/2017 (VND)
a) Ngắn hạn	-	-
b) Dài hạn	1.178.821.922	1.098.086.550
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	641.015.945	423.844.126
Chi phí thời rữa giá	404.545.455	674.242.424
Chi phí làm hàng rào	101.512.017	-
Đội 5	31.748.505	-
<b>Cộng</b>	<b>1.178.821.922</b>	<b>1.098.086.550</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH**  
Địa chỉ: Số 57 Ngô Gia Tự, Thành Phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**  
Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/05/2017 và kết thúc vào ngày 31/12/2017

**5.13. Phải trả người bán**

	31/12/2017 (VND)		01/05/2017 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>14.672.442.026</b>	<b>14.672.442.026</b>	<b>24.717.297.319</b>	<b>24.717.297.319</b>
Công ty Cổ phần Cúc Phương	381.841.636	381.841.636	3.846.738.955	3.846.738.955
Công ty TNHH Quảng cáo và Thương mại Phúc Lộc	5.887.926.352	5.887.926.352	8.270.083.552	8.270.083.552
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hạ tầng Kỹ thuật Bắc Ninh	2.499.373.791	2.499.373.791	7.900.713.605	7.900.713.605
Phải trả người bán ngắn hạn khác	5.903.300.247	5.903.300.247	4.699.761.207	4.699.761.207
<b>b) Các khoản phải trả người bán dài hạn</b>	<b>730.766.825</b>	<b>730.766.825</b>	<b>6.985.716.284</b>	<b>6.985.716.284</b>
Công ty TNHH MTV Chế tạo thiết bị điện Hà Nội	-	-	1.174.010.289	1.174.010.289
Công ty TNHH Xây dựng và Sản xuất Thành An Dương	-	-	2.763.403.939	2.763.403.939
Phải trả cho các đối tượng khác	730.766.825	730.766.825	3.048.302.056	3.048.302.056
<b>Cộng</b>	<b>15.403.208.851</b>	<b>15.403.208.851</b>	<b>31.703.013.603</b>	<b>31.703.013.603</b>

c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán

d) Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết tại thuyết minh số 8.3)

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH**

Địa chỉ: Số 57 Ngõ Gia Tự, Thành Phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/05/2017 và kết thúc vào ngày 31/12/2017

**5.14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/05/2017 (VND) (Trình bày lại)	Số phải nộp trong năm (VND)	Số đã thực nộp trong năm (VND)	31/12/2017 (VND)
<b>a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.107.201.631	1.535.297.312	1.177.426.609	1.465.072.334
Thuế Tài nguyên	44.430.375	349.318.935	362.444.250	31.305.060
Các khoản phí, lệ phí phải nộp khác	4.247.287.745	11.290.031.714	11.003.712.234	4.533.607.225
<b>Cộng</b>	<b>5.398.919.751</b>	<b>13.174.647.961</b>	<b>12.543.583.093</b>	<b>6.029.984.619</b>
<b>b) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước</b>				
Thuế giá trị gia tăng	3.093.953.620	5.784.405.278	4.626.891.073	4.251.467.825
<b>Cộng</b>	<b>3.093.953.620</b>	<b>5.784.405.278</b>	<b>4.626.891.073</b>	<b>4.251.467.825</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH**

Địa chỉ: Số 57 Ngô Gia Tự, Thành Phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/05/2017 và kết thúc vào ngày 31/12/2017

**5.15. Phải trả nội bộ**

	31/12/2017 (VND)	01/05/2017 (VND)
<b>a) Phải trả nội bộ ngắn hạn</b>	<b>582.887.354</b>	<b>641.778.366</b>
Nhà máy nước Lương Tài	438.275.000	566.086.012
Nhà máy nước Quế Võ	75.692.354	75.692.354
Phòng QLKH	68.920.000	-
<b>b) Phải trả nội bộ dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>582.887.354</b>	<b>641.778.366</b>

**5.16. Phải trả khác**

	31/12/2017 (VND)	01/05/2017 (VND) (Trình bày lại)
<b>a) Phải trả ngắn hạn khác</b>	<b>5.192.643.060</b>	<b>13.563.474.014</b>
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	5.034.604.241
Cổ đông góp vốn+Lãi phải trả cổ đông	873.045.109	873.045.109
Đội 1	-	785.273.708
Đội 3	-	1.467.109.290
Đội 5	-	4.899.077.163
Đội 6	-	245.133.637
Tổ XL số 1	-	259.230.866
Quỹ phúc lợi phải trả CBCNV	4.174.993.064	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	144.604.887	-
<b>b) Phải trả dài hạn khác</b>	<b>82.171.277.991</b>	<b>47.433.410.079</b>
Phải trả vốn hỗ trợ các dự án (i)	64.054.325.163	47.433.410.079
Dự án cấp nước giai đoạn 2	828.688.451	-
Phí thuê vận hành	5.000.000.000	-
Đội 1	630.077.924	-
Đội 3	1.867.109.290	-
Đội 5	4.892.000.000	-
Đội 6	4.899.077.163	-
<b>Cộng</b>	<b>87.363.921.051</b>	<b>60.996.884.093</b>

- (i) Ngày 07/05/2014, UBND tỉnh Bắc Ninh ra quyết định số 138/2014/QĐ-UBND về việc Quy định thu hồi vốn khấu hao tài sản cố định của các dự án nước sạch nông thôn được ngân sách Nhà nước hỗ trợ xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.





## CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH

Địa chỉ: Số 57 Ngô Gia Tự, Thành Phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/05/2017 và kết thúc vào ngày 31/12/2017

(i) Bao gồm 2 hợp đồng thấu chi. Hợp đồng thấu chi số 01/2017/4474024/HĐ ngày 29/06/2017 với hạn mức tín dụng 40.075.520.000 đồng với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn hiệu lực của hạn mức thấu chi: 103 ngày từ ngày 30/06/2017 đến ngày 10/10/2017. Lãi suất 6,1%/năm với tài sản thế chấp là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn của Công ty. Và hợp đồng thấu chi số 02/2017/4474028/HĐ ngày 01/09/2017 hạn mức tín dụng 40.000.000.000 đồng (trong đó đã bao gồm toàn bộ dư nợ vay được chuyển tiếp từ hợp đồng thấu chi số: 01/2017/4474024/HĐ ngày 29/06/2017 sang) với mục đích bù đắp thiếu hụt thanh toán tạm thời của bên vay do không cân đối kịp dòng tiền thanh toán. Thời hạn hiệu lực của hạn mức thấu chi: 222 ngày từ ngày 01/09/2017 đến ngày 10/04/2018. Lãi suất trong hạn áp dụng lãi suất thả nổi điều chỉnh 3 tháng/lần, lãi suất tại thời điểm kí hợp đồng là 6,1%/năm. Tài sản thế chấp là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn của Công ty.

(ii) Ngày 16/12/2009, Công ty ký hiệp định vay lại với Bộ Tài chính với mục đích để bổ sung dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp thoát nước đô thị thị trấn Chờ, huyện Yên Phong; thị trấn Gia Bình, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh.

Theo đó, Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Ninh sẽ hoàn trả cho Bộ Tài Chính số nợ gốc trong vòng 20 năm trong đó có 3 năm ân hạn. Như vậy, Công ty thực hiện hoàn trả các khoản vay theo 34 bán niên bằng nhau vào ngày 1/6 và 1/12 hàng năm. Lãi vay được miễn trả lãi trong thời gian ân hạn, sau đó trả lãi vào 1/6 và 1/12 với lãi suất 3%/năm.

Ngày 17/7/2005, Công ty ký hiệp định vay lại Bộ Tài chính với mục đích đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước tại thị trấn Lim, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, Công ty hoàn trả nợ gốc và lãi trong vòng 20 năm trong đó có 3 năm ân hạn. Công ty thực hiện hoàn trả các khoản vay theo 34 bán niên bằng nhau vào ngày 1/6 và 1/12 hàng năm. Lãi vay được miễn trả lãi trong thời gian ân hạn, sau đó trả lãi vào 1/6 và 1/12 với lãi suất 6%/năm. Hợp đồng vay là hợp đồng tín chấp.

(iii) Bao gồm 7 hợp đồng vay dài hạn với mục đích xây các đường ống cấp nước ở các xã trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh với thời hạn vay là 10 năm. Lãi suất vay 11%/năm trong 6 tháng đầu tiên và sau đó được điều chỉnh 6 tháng 1 lần, lãi suất cho vay được xác định bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau cộng (+) margin 4%/năm. Hợp đồng vay được thế chấp tài sản đảm bảo hình thành trong tương lai.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH**

Địa chỉ: Số 57 Ngõ Gia Tự, Thành Phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/05/2017 và kết thúc vào ngày 31/12/2017

**5.18. Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu (VND)	Quỹ khác thuộc chủ sở hữu (VND)	Quỹ đầu tư phát triển (VND) (Trình bày lại)	LNST thuế chưa phân phối (VND)	Cộng (VND)
<b>Số dư tại ngày 01/05/2017</b>	<b>375.069.419.928</b>	-	<b>1.274.282.538</b>	-	<b>376.343.702.466</b>
Lãi trong năm	-	-	-	6.137.180.130	6.137.180.130
Tặng trong năm	-	856.324.843	-	-	856.324.843
Tạm trích lập các quỹ	-	-	-	(24.999.999)	(24.999.999)
Tiền thù lao HĐQT năm 2017(*)	-	-	-	(76.000.000)	(76.000.000)
Tặng khác	-	-	72.246.297	-	72.246.297
Giảm khác (**)	-	-	-	(240.820.995)	(240.820.995)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2017</b>	<b>375.069.419.928</b>	<b>856.324.843</b>	<b>1.346.528.835</b>	<b>5.795.359.136</b>	<b>383.067.632.742</b>

(\*) Theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất ngày 18/4/2017 của Đại hội đồng cổ đông.

(\*\*) Nộp phạt theo quyết định số 2258/QĐ-CT của cục thuế Tỉnh Bắc Ninh ngày 30/08/2017.



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH**

Địa chỉ: Số 57 Ngô Gia Tự, Thành Phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/05/2017 và kết thúc vào ngày 31/12/2017

**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2017 (VND)	01/05/2017 (VND)
Vốn góp của Nhà nước	183.778.299.928	183.778.299.928
Vốn góp của các cổ đông	191.291.120.000	191.291.120.000
<b>Cộng</b>	<b>375.069.419.928</b>	<b>375.069.419.928</b>

**Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Từ 01/05/2017 đến 31/12/2017 (VND)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	-
+ Vốn góp đầu năm	375.069.419.928
+ Vốn góp tăng trong năm	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-
+ Vốn góp cuối năm	375.069.419.928
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-

**Cổ phiếu**

	31/12/2017 (VND)	01/05/2017 (VND)
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	37.549.391	37.549.391
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	37.549.391	37.549.391
+ Cổ phiếu phổ thông	37.549.391	37.549.391
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (CP quỹ)	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	37.549.391	37.549.391
+ Cổ phiếu phổ thông	37.549.391	37.549.391
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

**Các quỹ của doanh nghiệp**

	31/12/2017 (VND)	01/05/2017 (VND) (Trình bày lại)
Quỹ đầu tư phát triển	1.346.528.835	1.274.282.538
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	856.324.843	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH**

Địa chỉ: Số 57 Ngô Gia Tự, Thành Phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/05/2017 và kết thúc vào ngày 31/12/2017

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/05/2017 đến 31/12/2017 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/04/2017 (VND) (Trình bày lại)
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>81.039.545.857</b>	<b>30.266.228.951</b>
- Doanh thu nước sạch	69.745.545.907	26.439.239.018
- Doanh thu cho thuê tài sản	532.679.360	262.339.680
- Doanh thu xây lắp	10.761.320.590	3.564.650.253
<b>Cộng</b>	<b>81.039.545.857</b>	<b>30.266.228.951</b>

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	Từ 01/05/2017 đến 31/12/2017 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/04/2017 (VND) (Trình bày lại)
Giá vốn bán nước sạch	53.615.099.707	18.005.761.467
Giá vốn cho thuê tài sản	504.805.984	255.347.927
Giá vốn hoạt động xây lắp	10.270.426.303	3.478.971.471
<b>Cộng</b>	<b>64.390.331.994</b>	<b>21.740.080.865</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/05/2017 đến 31/12/2017 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/04/2017 (VND) (Trình bày lại)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.209.705.298	348.148.788
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	214.500.000
<b>Cộng</b>	<b>1.209.705.298</b>	<b>562.648.788</b>

**6.4 Chi phí tài chính**

	Từ 01/05/2017 đến 31/12/2017 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/04/2017 (VND) (Trình bày lại)
Lãi tiền vay	1.467.730.225	407.261.331
Lãi phải trả cổ đông	-	734.525.670
<b>Cộng</b>	<b>1.467.730.225</b>	<b>1.141.787.001</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH**

Địa chỉ: Số 57 Ngô Gia Tự, Thành Phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/05/2017 và kết thúc vào ngày 31/12/2017

**6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Từ 01/05/2017 đến 31/12/2017 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/04/2017 (VND)
<b>a) Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>8.754.110.853</b>	<b>1.696.500.215</b>
Chi phí nhân viên quản lý	2.976.397.690	320.329.428
Chi phí vật liệu quản lý	87.541.109	31.957.700
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.077.384.295	6.847.980
Thuế, phí và lệ phí	43.770.554	20.575.790
Chi phí dịch vụ mua ngoài	393.934.988	540.549.979
Chi phí bằng tiền khác	175.082.217	776.239.338

**6.6 Thu nhập khác**

	Từ 01/05/2017 đến 31/12/2017 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/04/2017 (VND)
Thanh lý vật tư	31.859.091	-
Thu nợ tiền nước đã xử lý	2.855.386	-
Thu tiền vận chuyển clo thuê	4.694.000	-
<b>Cộng</b>	<b>39.408.477</b>	<b>-</b>

**6.7 Chi phí khác**

	Từ 01/05/2017 đến 31/12/2017 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/04/2017 (VND) (Trình bày lại)
Tiền chậm nộp thuế	4.009.118	-
Phạt vi phạm hành chính về thuế	-	277.920.995
<b>Cộng</b>	<b>4.009.118</b>	<b>277.920.995</b>

**6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Từ 01/05/2017 đến 31/12/2017 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/04/2017 (VND) (Trình bày lại)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành		
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.672.477.442	5.972.588.663
- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	4.009.118	277.920.995
+ <i>Phạt vi phạm hành chính về thuế</i>	4.009.118	277.920.995
- Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	-	214.500.000
+ <i>Doanh thu đã tính vào thu nhập chịu thuế công ty liên kết</i>	-	214.500.000
- Tổng thu nhập chịu thuế	7.676.486.560	6.036.009.658
- Chuyển lỗ năm trước	-	-
- Thu nhập tính thuế	7.676.486.560	6.036.009.658
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 20%	20%	20%
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.535.297.312	1.207.201.932
<b>Cộng</b>	<b>1.535.297.312</b>	<b>1.207.201.932</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH**

Địa chỉ: Số 57 Ngô Gia Tự, Thành Phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/05/2017 và kết thúc vào ngày 31/12/2017

**6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Từ 01/05/2017 đến 31/12/2017 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/04/2017 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	6.137.180.130	-
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	6.137.180.130	-
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ Lợi nhuận sau thuế	(24.999.999)	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi loại trừ trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ LNST	6.112.180.131	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	37.549.391	-
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>163</b>	<b>-</b>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được lấy theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2300108311 ngày 03/5/2017.

**6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Từ 01/05/2017 đến 31/12/2017 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/04/2017 (VND)
Chi phí nguyên vật liệu	20.911.859.246	8.280.981.524
Chi phí nhân công	26.957.298.760	10.749.231.523
Chi phí khấu hao TSCĐ	11.357.190.592	4.239.247.604
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.148.746.552	2.234.124.024
Chi phí bằng tiền khác	3.314.713.936	1.012.578.522
<b>Cộng</b>	<b>70.689.809.086</b>	<b>26.516.163.197</b>

**7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****7.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm:**

Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường: 54.016.737.687 VND

**7.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm:**

Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường: 36.970.220.844 VND



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/05/2017 và kết thúc vào ngày 31/12/2017

**8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****8.1 Báo cáo bộ phận**

Công ty báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo các lĩnh vực hoạt động, bao gồm: lĩnh vực kinh doanh nước; lĩnh vực xây lắp, các lĩnh vực cung cấp các dịch vụ khác. Chi tiết báo cáo bộ phận theo từng ngành nghề như sau:

	Kinh doanh nước (VND)	Xây lắp (VND)	Hoạt động khác (VND)	Tổng cộng (VND)
<b>Kết quả</b>				
Doanh thu	69.745.545.907	10.761.320.590	532.679.360	81.039.545.857
Giá vốn hàng bán	53.615.099.707	10.270.426.303	504.805.984	64.390.331.994
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>16.130.446.200</b>	<b>490.894.287</b>	<b>27.873.376</b>	<b>16.649.213.863</b>

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/05/2017 đến ngày 31/12/2017, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phát sinh chủ yếu tại tỉnh Bắc Ninh nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận thứ yếu (theo khu vực địa lý).

**8.2 Thông tin về các bên liên quan**

Các bên được xem là các bên có liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh.

Trong năm tài chính và tại ngày kết thúc vào ngày 31/12/2017, các bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Công ty:

Tên gọi	Địa chỉ	Quan hệ
Ông Nguyễn Tiến Long	Việt Nam	Chủ tịch HĐQT
Ông Vũ Hữu Tân	Việt Nam	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Trần Đại Hải	Việt Nam	Thành viên HĐQT
Bà Vũ Thị Chuyên	Việt Nam	Thành viên HĐQT
Ông Ngô Minh Châu	Việt Nam	Thành viên HĐQT
Bà Trần Thị Hương	Việt Nam	Trưởng ban kiểm soát
Ông Nguyễn Bá An	Việt Nam	Ủy viên ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Mai Lan	Việt Nam	Ủy viên ban kiểm soát
Ông Vũ Hữu Tân	Việt Nam	Tổng Giám đốc
Ông Trần Đại Hải	Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lưu Xuân Tâm	Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Bắc Ninh	Việt Nam	Công ty liên kết

Trong năm tài chính, các nghiệp vụ của Công ty với các bên có liên quan như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Nghiệp vụ	Số tiền (VND)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hạ tầng Kỹ thuật Bắc Ninh	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	220.830.236



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH**

Địa chỉ: Số 57 Ngô Gia Tự, Thành Phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/05/2017 và kết thúc vào ngày 31/12/2017

Vào ngày kết thúc năm tài chính, số dư các khoản phải thu, phải trả của Công ty với các bên có liên quan được thể hiện như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Nghiệp vụ	Số tiền (VND)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Bắc Ninh	Công ty liên kết	Phải trả người bán	2.549.298.281

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc:

	Từ 01/05/2017 đến 31/12/2017 (VND)
Thu nhập của Ban Giám đốc	427.063.416
Thù lao Hội đồng quản trị	124.000.000
Thù lao Ban kiểm soát	28.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>579.063.416</b>

**8.3 Các sự kiện quan trọng phát sinh trong niên độ**

Ngày 18/07/2017, Công ty được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng theo công văn số 5203/UBCK-GSĐC.

**8.4 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

**8.5 Thông tin so sánh**

Số liệu được dùng để so sánh trên bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/04/2017 của Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Bắc Ninh đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn UHY ACA. Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được điều chỉnh hồi tố theo kiến nghị của Cục thuế tỉnh Bắc Ninh.

Bắc Ninh, ngày 28 tháng 03 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC






Nguyễn Thu Dung

Nguyễn Đình Tôn

Vũ Hữu Tân